

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM**
Báo cáo tài chính năm 2012



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38 205.944–38 205.947; Fax: 38 205.942

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	07 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2012	12
Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm 2012	13 – 23



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp.HCM.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
Bà Phạm Thị Mân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Bà Đoàn Thị Hồng Loan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
Bà Lê Thị Thảo Bạch	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 1/08/2012

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tôn Thất Hào	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
------------------	----------------------	-------------------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được Công ty áp dụng, tuân thủ theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo;
- Lập và trình bày các báo cáo trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đoàn Thị Hồng Loan



Số: 300./BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam***Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam****- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của **Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam** được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013 từ trang 07 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Việc góp vốn điều lệ đơn vị chỉ căn cứ vào các sổ chi tiết giao dịch của ngân hàng BIDV – chi nhánh sở giao dịch 2, với các hồ sơ nêu trên chúng tôi chưa có cơ sở xác định chi tiết số vốn góp theo từng đối tượng, do đó chúng tôi căn cứ vào số liệu của đơn vị.

Như trình bày tại điểm V.20.1 Thuyết minh BCTC đính kèm, trong năm đơn vị thực hiện việc giao vốn cho các cá nhân là các bên có liên quan (gồm thành viên trong HĐQT, cổ đông lớn..) để tìm kiếm cơ hội đầu tư với tổng số tiền là 78.000.000.000 đồng (các khoản đầu tư này đã được thu hồi trong năm). Theo ý kiến của chúng tôi, việc giao vốn như đã nêu là không đúng với quy định tại khoản 16 Điều 1 Quyết định 125/2008/QĐ-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

Các khoản phải thu khác và phải trả dài hạn khác chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2012 và tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được phản hồi từ phía khách hàng.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến như trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về số liệu so sánh của năm nay như đã trình bày tại điểm V.20.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2013

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**



Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV Đ.0064/KTV

Kiểm toán viên

Đàm Minh Thúy
Chứng chỉ KTV 1547/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	M.số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN(100 = 110+120+130+140)	100		40.151.679.457	40.326.716.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		39.362.037.085	39.035.547.643
1. Tiền	111	1	39.362.037.085	39.035.547.643
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	789.642.372	1.291.168.372
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	2.1	48.200.000	24.733.333
5. Các khoản phải thu khác	135	2.1	741.442.372	1.266.435.039
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.065.691.834	3.137.544.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		1.060.691.834	1.474.398.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3	1.060.691.834	1.092.218.223
- Nguyên giá	222		2.518.912.723	1.967.977.743
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.458.220.889)	(875.759.520)
2. Tài sản cho thuê tài chính	224	4		382.180.130
- Nguyên giá	225			545.971.602
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			(163.791.472)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
IV. Tài sản dài hạn khác	260	5	5.000.000	1.663.146.479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			1.613.481.479
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000	49.665.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		41.217.371.291	43.464.260.847



CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

NGUỒN VỐN	M.số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		3.524.243.023	3.164.731.166
I. Nợ ngắn hạn	310	6	1.703.879.320	1.333.339.643
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	6.1	118.586.160	
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.2	5.320.262	12.762.745
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.3	1.579.972.898	1.320.576.898
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
II. Nợ dài hạn	330		1.820.363.703	1.831.391.523
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	7	1.820.363.703	1.831.391.523
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu	359			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.693.128.268	40.299.529.681
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư và phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.306.871.732)	(9.700.470.319)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		41.217.371.291	43.464.260.847

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	T.minh	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài		001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		002		
3. Tài sản nhận ký cược		003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		004		
5. Ngoại tệ các loại (USD)		005	122.04	121.39
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		006		
Trong đó				
6.1. Chứng khoán giao dịch		007		
6.2. Chứng khoán tạm dừng giao dịch		008		
6.3. Chứng khoán cầm cố		009		
6.4. Chứng khoán tạm giữ		010		
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		011		
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút		012		
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		013		
6.8. Chứng khoán quỹ đảm bảo khoản vay		014		
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015		
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020		
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		030	24.541.172	338.710.479
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	8	031	24.541.172	338.710.479
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		032		
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		040	633.900.000	868.200.350
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	9	041	633.900.000	868.200.350
9.1 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		041		
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	10	050	48.200.000	24.833.333
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		051		

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Lê Thị Thảo Bạch

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Lê Thị Thảo Bạch

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hồng Loan

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	M.số	T.minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	01	11	23.466.667	24.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10= 01 - 02)	10	12	23.466.667	24.000.000
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		23.466.667	24.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	633.951.774	16.598.642
7. Chi phí tài chính	22	14		14.055.500
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.261.982.495	2.811.824.847
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		(2.604.564.054)	(2.785.281.705)
10. Thu nhập khác	31	15		1.249.379
11. Chi phí khác	32	16	1.837.359	18.400
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.837.359)	1.230.979
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.606.401.413)	(2.784.050.726)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18		
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51 - 52)	60		(2.606.401.413)	(2.784.050.726)
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thảo Bạch

Lê Thị Thảo Bạch



Đoàn Thị Hồng Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	M.Số	T.Minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(130.664.733)	(51.512.411)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(920.572.104)	(616.059.523)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			(14.055.500)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		379.676.897.162	139.961.316.448
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(378.933.116.087)	(111.445.479.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(307.455.762)	27.834.209.944
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		633.945.204	16.369.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		633.945.204	16.369.452
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(132.336.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(132.336.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		326.489.442	27.718.243.396
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39.035.547.643	11.317.075.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			229.190
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	39.362.037.085	39.035.547.643



Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Lê Thị Thảo Bạch

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thị Thảo Bạch

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hồng Loan

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.19	50.000.000.000	50.000.000.000					50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ (*)									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư và phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.916.419.593)	(9.700.470.319)		2.784.050.726		2.606.401.413	(9.700.470.319)	(12.306.871.732)
Cộng		43.083.580.407	40.299.529.681		2.784.050.726		2.606.401.413	40.299.529.681	37.693.128.268

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Lê Thị Thảo Bạch

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Lê Thị Thảo Bạch

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hồng Loan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010 của Chủ Tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

3. Tổng số nhân viên:

Số lượng nhân viên là 11 người, trong đó có 7 người có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán:** Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và quy định tại luật kế toán, Nghị định 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, thuê tài chính:

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, thuê tài chính:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

4.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

4.2 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

5. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

7. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

8. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ: Doanh thu được xác định theo các loại sau:

- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán: là khoản thu về phí Công ty quản lý quỹ được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán: Là khoản phí Công ty quản lý Quỹ được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác;
- Doanh thu từ phí thường hoạt động: Là khoản tiền thường Công ty quản lý quỹ được hưởng khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, giá trị danh mục ủy thác đầu tư cho Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận;
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán: Là khoản phí công ty quản lý quỹ được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1- Tiền mặt tại quỹ	1.212.147	3.027.728
1.2- Tiền gửi ngân hàng	39.360.824.938	39.032.519.915 ⁴
- VND	39.358.283.057	39.029.990.563
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển BIDV - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	1.951.449	1.908.670
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam VCB - Chi nhánh 42	1.739.872	1.871.872
Ngân hàng Phát Triển Nhà HDB	19.584.591.736	39.026.210.021
Ngân hàng Phát Triển Nhà HDB - TK lưu ký chứng khoán	19.770.000.000	
- USD	2.541.881	2.529.352
Ngân hàng Phát Triển Nhà HDBank (#122.04 USD)	2.541.881	2.529.352
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	39.362.037.085	39.035.547.643
2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1- Phải thu hoạt động nghiệp vụ	48.200.000	24.733.333
Nguyễn Minh Trí (Phí quản lý danh mục đầu tư)	48.200.000	24.733.333
2.2- Các khoản phải thu khác (*)	741.442.372	1.266.435.039
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phần mềm Cánh Cam	33.000.000	33.000.000
Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Việt Nhân	708.442.372	708.442.372
Phạm Thị Mân (tạm ứng)		524.992.667
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	789.642.372	1.291.168.372

Ghi chú (*): Các khoản phải thu khác chưa được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2012

3. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ QL	Phương tiện vận tải	Tổng Cộng
I. Nguyên giá				
1 Số dư đầu năm		1.967.977.743		1.967.977.743
2 Số tăng trong năm			550.934.980	550.934.980
<i>Bao gồm:</i>				
- Mua trong năm			550.934.980	550.934.980
- Đầu tư XD/CB hoàn thành				
- Tăng khác				
3 Số giảm trong năm				
<i>Bao gồm:</i>				
- Chuyển sang bất động sản đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4 Số dư cuối năm		1.967.977.743	550.934.980	2.518.912.723
II. Giá trị hao mòn LK				
1 Số dư đầu năm		875.759.520		875.759.520
2 Số tăng trong năm		364.072.741	218.388.628	582.461.369
- Khấu hao trong năm		364.072.741	218.388.628	582.461.369
- Tăng khác				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

3 Số giảm trong năm <i>Bao gồm:</i> - Chuyển sang bất động sản đầu tư - Thanh lý, nhượng bán - Giảm khác				
4 Số dư cuối năm	1.239.832.261	218.388.628	1.458.220.889	
III. Giá trị còn lại				
1 Tại ngày đầu năm	1.092.218.223		1.092.218.223	
2 Tại ngày cuối năm	728.145.482	332.546.352	1.060.691.834	

4. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	TSCĐ thuê TCKhác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá				
1 Số dư đầu năm		545.971.602		545.971.602
2 Số tăng trong năm <i>Bao gồm:</i> - Thuê trong năm - Mua lại TSCĐ thuê tài chính - Tăng khác				
3 Số giảm trong năm <i>Bao gồm:</i> - Trả lại TSCĐ thuê tài chính - Giảm khác		545.971.602		545.971.602
4 Số dư cuối năm		545.971.602		545.971.602
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1 Số dư đầu năm		163.791.472		163.791.472
2 Số tăng trong năm - Khấu hao trong năm - Mua lại TSCĐ thuê tài chính - Tăng khác				
3 Số giảm trong năm <i>Bao gồm:</i> - Trả lại TSCĐ thuê tài chính - Giảm khác		163.791.472		163.791.472
4 Số dư cuối năm		163.791.472		163.791.472
III. Giá trị còn lại				
1 Tại ngày đầu năm		382.180.130		382.180.130
2 Tại ngày cuối năm				

5. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

5.1- Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước giai đoạn thành lập DN

5.2- Các khoản ký quỹ, ký cược

Tiền ký cược TSCĐ thuê tài chính

Ký quỹ sử dụng taxi

Cộng tài sản dài hạn khác

Số cuối năm

Số đầu năm

1.613.481.479

1.613.481.479

5.000.000

49.665.000

49.665.000

5.000.000

5.000.000

1.663.146.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

6. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm		
6.1- Phải trả người bán	118.586.160			
Công ty CP Đầu Tư Sóng Việt	118.586.160			
6.2- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.320.262	12.762.745		
Thuế thu nhập cá nhân	5.320.262	12.762.745 ^a		
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>				
6.3- Các khoản phải trả khác :	1.579.972.898	1.320.576.898		
Bảo hiểm xã hội	2.640.000	880.000		
Bảo hiểm y tế	495.000	180.000		
Nguyễn Quang Trung	873.437.898	906.437.898		
Ông Tôn Thất Hào	557.400.000	240.000.000		
Bà Văn Tú Nga		27.079.000		
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	146.000.000	146.000.000		
Cộng nợ ngắn hạn	1.703.879.320	1.333.339.643		
7. NỢ DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm		
* Phải trả dài hạn khác	1.820.363.703	1.831.391.523		
Công ty TNHH Tin Học & TM Hồng Cơ (hệ thống IT)	1.820.363.703	1.820.363.703		
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng SGTT		11.027.820		
Cộng nợ dài hạn	1.820.363.703	1.831.391.523		
8. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC	Năm nay	Năm trước		
Ông Nguyễn Minh Trí				
Số dư đầu kỳ	338.710.479	331.761.977		
Số tăng trong kỳ (lãi từ tiền gửi của NĐT)	7.177.583	8.148.502		
Số giảm trong kỳ	321.346.890	1.200.000		
<i>Phí quản lý tài khoản</i>	<i>1.346.890</i>			
<i>Nhà đầu tư rút vốn</i>	<i>320.000.000</i>			
Số dư cuối kỳ	24.541.172	338.710.479		
9. DANH MỤC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC				
<i>Nhà Đầu tư ủy thác trong nước</i>				
Khoản mục	Tại 31/12/2012		Tại 31/12/2011	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Cổ phiếu niêm yết				
ITA	26.000	122.200.000	20.000	130.000.000
PPC	43.000	511.700.000	43.000	301.000.000
		633.900.000		431.000.000
10. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC	Năm nay	Năm trước		
Ông Nguyễn Minh Trí				
Phí quản lý danh mục đầu tư	48.200.000	24.733.333		
11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ	Năm nay	Năm trước		
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	23.466.667	24.000.000		
Cộng doanh thu hoạt động kinh doanh	23.466.667	24.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

12. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ		23.466.667	24.000.000
13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		633.951.774	16.369.452
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			229.190 ^a
Cộng doanh thu hoạt động tài chính		633.951.774	16.598.642
14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi thuê tài chính			14.023.900
Chi phí tài chính khác- Lãi quá hạn			31.600
Cộng chi phí tài chính			14.055.500
15. THU NHẬP KHÁC		Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác			1.249.379
Cộng thu nhập khác			1.249.379
16. CHI PHÍ KHÁC		Năm nay	Năm trước
Chi phí khác		1.837.359	18.400
Cộng chi phí khác		1.837.359	18.400
17. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		Năm nay	Năm trước
- Chi phí tiền lương			
- Thù lao		41.666.665	66.666.664
Cộng chi phí của hội đồng quản trị		41.666.665	66.666.664
18. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM			
Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.606.401.413)	(2.784.050.726)
b. Các khoản điều chỉnh tăng		410.056.038	808.269.544
- Chi phí không có chứng từ hợp lệ, chi phí không được trừ khác		410.056.038	808.269.544
c. Tổng thu nhập chịu thuế (c=a+b)		(2.196.345.376)	(1.975.781.182)
d. Thuế TNDN phải nộp			
e. Lợi nhuận sau thuế TNDN (e=a-d)		(2.606.401.413)	(2.784.050.726)
19. VỐN CHỦ SỞ HỮU			
a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Việt Á	10%	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Phạm Hữu Tuấn	5%	2.500.000.000	2.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10%	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Lê Minh Tuấn	1%	500.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Lê Phương Thảo	1%	500.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10%	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Phạm Thị Mân	11%	5.500.000.000	5.500.000.000
Ông Phạm Văn Đẩu	52%	26.000.000.000	26.000.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ SH		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0 đồng	0 đồng

d) Cổ tức

- + Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**

e) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
+ Số lượng cp đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

20. THÔNG TIN BỔ SUNG

20.1- Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2012, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Bà Phạm Thị Mân	Cổ đông	Tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	39.000.000.000
		Hoàn tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	39.524.992.667
Ông Phạm Văn Đẩu	Cổ đông	Tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	24.000.000.000
		Hoàn tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	24.000.000.000
Ông Tôn Thất Hào	Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ	Tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	15.000.000.000
		Hoàn tạm ứng tìm kiếm cơ hội đầu tư	15.000.000.000
		Mượn tiền	1.112.400.000
		Hoàn trả tiền mượn	795.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mượn	33.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư công nợ với các bên có liên quan như sau:

Các bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Phạm Thị Mân (Phải thu)		524.992.667
Ông Tôn Thất Hào (Phải trả)	557.400.000	240.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung (Phải trả)	873.437.898	906.437.898
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Phải trả)	146.000.000	146.000.000

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

20.2- Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

22.3- Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	39.362.037.085	39.035.547.643			39.362.037.085	39.035.547.643
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ	48.200.000	24.733.333			48.200.000	24.733.333
- Phải thu ngắn hạn khác	741.442.372	1.266.435.039			741.442.372	1.266.435.039
Cộng	40.151.679.457	40.326.716.015			40.151.679.457	40.326.716.015
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	118.586.160				118.586.160	
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.579.972.898	1.320.576.898			1.579.972.898	1.320.576.898
- Phải trả dài hạn khác	1.820.363.703	1.831.391.523			1.820.363.703	1.831.391.523
Cộng	3.518.922.761	3.151.968.421			3.518.922.761	3.151.968.421

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày 31/12/2012. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

22.3- Công cụ tài chính

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do trong năm Công ty không vay từ bất kỳ một đơn vị nào.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

b.4 Tài sản đảm bảo

* Tài sản thế chấp cho đơn vị khác: Không phát sinh

* Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác: Không phát sinh.

501172
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM T
Á NA
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

20.4- Thông tin so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2012 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS). Số liệu này đã được phân loại lại căn cứ theo Thông tư số 125/2011/TT/BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính để phù hợp với số liệu so sánh của năm nay.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Lê Thị Thảo Bạch

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Lê Thị Thảo Bạch

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hồng Loan

